

CHƯƠNG VIII: KIẾN UẨN (Tiếp Theo)

Phẩm Thứ Ba: LUẬN VỀ TƯỚNG

LUẬN VỀ TƯỚNG (Phần 1)

Các pháp do Tướng về Vô thường sinh ra thì pháp ấy tương ứng với Tướng về Vô thường chăng? Các chương như vậy và giải thích về nghĩa của từng chương đã lĩnh hội rồi, tiếp theo cần phải phân biệt rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu về pháp tương ứng chấp rằng pháp tương ứng không phải là có thật, hiển bày về pháp tương ứng quyết định có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp do Tướng về Vô thường sinh ra thì pháp ấy tương ứng với Tướng về Vô thường chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp do Tướng về Vô thường sinh ra mà không phải là tương ứng với Tướng về Vô thường, đó là Tướng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tướng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra pháp tương ứng với Tướng ấy.

Trong này, nói Tướng về Vô thường không gián đoạn thì Tướng về Vô thường-Khổ cho đến Tướng về Diệt, tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt. Pháp tương ứng với Tướng ấy, đó là trừ ra Tướng, còn lại chín pháp Đại địa, mười pháp Đại thiện địa, địa có Tâm-có Tứ, địa không có Tâm-không có Tứ, địa không có Tâm-chỉ có Tứ, Tứ và tâm. Như vậy, các pháp do Tướng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tướng về Vô thường làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên; không phải là Tướng về Vô thường tương ứng với Tướng về Khổ-Vô ngã cho đến Tướng về Diệt, bởi vì tương ứng tùy theo một loại.

2. Có pháp tương ứng với Tướng về Vô thường mà không phải là do Tướng về Vô thường sinh ra, đó là Tướng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tướng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra pháp tương ứng với Tướng ấy.

Trong này, nói Tướng về Vô thường-Khổ cho đến Tướng về Diệt, tùy theo một loại không gián đoạn thì Tướng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt. Pháp tương ứng với Tướng ấy, đó là trừ ra Tướng, còn lại chín pháp Đại địa..., nói rộng ra như trên. Như vậy, các pháp tương ứng với

Tưởng về Vô thường không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tưởng về Vô thường-Khổ cho đến Tưởng về Diệt tùy theo một loại làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên.

3. Có pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra mà cũng tương ứng với Tưởng về Vô thường, đó là Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra pháp tương ứng với Tưởng ấy.

Trong này, nói trong tự thuộc Tưởng về Vô thường sau, trừ ra Tưởng về Vô thường còn lại tâm-tâm sở pháp, nói rộng ra như trên. Như vậy, các pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tưởng về Vô thường làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên; cũng tương ứng với Tưởng về Vô thường, bởi vì có trong tự ấy. Tưởng về Vô thường tuy sinh ra từ Tưởng về Vô thường, mà không phải là tương ứng với Tưởng về Vô thường, bởi vì tự tánh đối với tự tánh do ba nhân duyên cho nên không tương ứng, nói như trước.

4. Có pháp không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra, cũng không phải là tương ứng với Tưởng về Vô thường, đó là Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tưởng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra pháp tương ứng với Tưởng ấy.

Trong này, nói Tưởng về Vô thường-Khổ cho đến Tưởng về Diệt, tùy theo một loại không gián đoạn, tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt. Pháp tương ứng với các Tưởng ấy, nói rộng ra như trên. Như vậy, các pháp không phải là do Tưởng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tưởng khác làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên; cũng không phải là tương ứng với Tưởng về Vô thường, bởi vì tương ứng với Tưởng khác.

Như Tưởng về Vô thường, cho đến Tưởng về Diệt cũng như vậy, tùy theo sự thích hợp đều làm thành bốn câu phân biệt, như vậy thì có mười loại bốn câu phân biệt.

Các pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra thì pháp ấy cùng một duyên với Tưởng về Vô thường chăng? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn ý của người ngu đối với Thể tánh của sở duyên chấp rằng tánh của sở duyên không phải là pháp có thật, hiển bày về tánh của sở duyên quyết định có thật, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Các pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra thì pháp ấy cùng một duyên với Tưởng về Vô thường chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp do Tưởng về Vô thường sinh ra mà không phải là cùng

một duyên với Tướng về Vô thường, đó là Tướng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tướng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp ấy có duyên khác.

Trong này, nói duyên với Sắc uẩn, Tướng về Vô thường không gián đoạn duyên với Thọ uẩn..., Tướng về Vô thường-Khổ và Tướng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt; duyên với Uẩn khác và Giới-Xứ, nói cũng như vậy. Pháp ấy sinh ra từ Tướng về Vô thường mà không phải là cùng một duyên với Tướng về Vô thường, bởi vì duyên với pháp khác.

2. Có pháp cùng một duyên với Tướng về Vô thường mà không phải là do Tướng về Vô thường sinh ra, đó là Tướng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tướng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp ấy có duyên này.

Trong này, nói duyên với Sắc uẩn..., Tướng về Vô thường-Khổ và Tướng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại không gián đoạn thì duyên với Uẩn ấy, Tướng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt; Giới-Xứ, nói cũng như vậy. Pháp ấy cùng một duyên với Tướng về Vô thường mà không sinh ra từ Tướng về Vô thường, bởi vì Tướng về Vô thường-Khổ và Tướng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên.

Hỏi: Trong này nói Tướng nào cùng chung một duyên với Tướng nào, là nói Tướng về Vô thường cùng chung một duyên với Tướng về Vô thường, hay là nói Tướng về Vô thường cùng chung một duyên với Tướng khác? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có lỗi. Bởi vì nếu nói Tướng về Vô thường cùng chung một duyên với Tướng về Vô thường, thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: “Pháp ấy có duyên này.” Nếu nói Tướng về Vô thường cùng chung một duyên với Tướng khác, thì văn này lại hiểu thế nào? Như nói: “Pháp ấy không phải là do Tướng về Vô thường sinh ra.” Bởi vì có lúc Tướng ấy sinh ra từ Tướng về Vô thường?

Đáp: Trong này nói Tướng về Vô thường cùng chung một duyên với Tướng về Vô thường, cho nên nói là cùng một duyên với Tướng về Vô thường.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: “Pháp ấy có duyên này.”

Đáp: Có người nói: Văn này nên đưa ra cách nói này: Đó là Tướng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tướng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp tương ứng với Tướng ấy. Đây là nói

về pháp tương ứng với Tướng về Vô thường tương ứng với Tướng về Vô thường.

Nói như vậy thì trong này thâm nhiếp ba Tướng, đó là sau Tướng về Vô thường khởi lên Tướng khác, sau Tướng khác lại khởi lên Tướng về Vô thường. Trong đó nói Tướng về Vô thường khởi lên sau cùng duyên với Tướng về Vô thường trước, cho nên nói là cùng một duyên với Tướng về Vô thường. Như vậy thì hai văn dễ dàng thông hiểu.

Hoặc có người đối với điều này đưa ra câu hỏi như vậy, nay cần phải suy nghĩ chọn lựa!

Hỏi: Trong này nói Tướng nào cùng chung một duyên với Tướng nào, là nói Tướng về Vô thường cùng chung một duyên với Tướng khác, hay là nói Tướng khác cùng chung một duyên với Tướng về Vô thường? Hai điều này có gì sai biệt? Bởi vì nếu nói Tướng về Vô thường cùng chung một duyên với Tướng khác, thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: “Có pháp cùng một duyên với Tướng về Vô thường, nếu Tướng về Khổ-Vô ngã không gián đoạn sinh ra Tướng về Vô thường, thì pháp ấy cùng chung một duyên với Tướng về Khổ-Vô ngã, không phải là Tướng về Vô thường.” Nếu nói Tướng khác cùng chung một duyên với Tướng về Vô thường, là có lúc pháp ấy sinh ra từ Tướng về Vô thường, thì không nên nói không phải là Tướng về Vô thường sinh ra?

Đáp: Có người nói: Trong này nói Tướng về Vô thường cùng chung một duyên với Tướng khác.

Hỏi: Nếu như vậy thì văn này nên hiểu thế nào? Như nói: “Có pháp cùng một duyên với Tướng về Vô thường.”

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Đó là Tướng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tướng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp tương ứng với Tướng ấy. Nếu như vậy thì pháp ấy phải sinh ra từ Tướng về Vô thường, cũng cùng chung một duyên với Tướng về Vô thường.

Nói như vậy thì trong này nên nói Tướng về Vô thường cùng chung một duyên với Tướng về Vô thường. Vì thế cho nên trong này thâm nhiếp chung ba Tướng, đó là đầu tiên Tướng về Vô thường, tiếp đến khởi lên Tướng khác, Tướng khác không gián đoạn lại khởi lên Tướng về Vô thường. Trong này nói Tướng về Vô thường sinh ra sau cùng chung một duyên với Tướng về Vô thường sinh ra trước. Như vậy thì hai lối đều là bỏ.

3. Có pháp do Tướng về Vô thường sinh ra cùng một duyên với Tướng về Vô thường, đó là Tướng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc

chấn diệt đi, Tướng về Vô thường hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp ấy có duyên này.

Trong này, nói duyên với Sắc uẩn..., Tướng về Vô thường không gián đoạn thì duyên với Uẩn ấy, Tướng về Vô thường hiện rõ ở trước mắt; Giới-Xứ, nói cũng như vậy. Pháp ấy sinh ra từ Tướng về Vô thường cũng cùng một duyên với Tướng về Vô thường.

4. Có pháp không phải là do Tướng về Vô thường sinh ra cũng không phải là cùng một duyên với Tướng về Vô thường, đó là Tướng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn diệt đi, Tướng khác hiện rõ trước mắt chắc chắn sinh ra, pháp ấy có duyên khác.

Trong này, nói duyên với Uẩn khác, Tướng về Vô thường-Khổ và Tướng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại không gián đoạn duyên với Uẩn khác, Tướng về Vô thường-Khổ và Tướng về Khổ-Vô ngã tùy theo một loại hiện rõ ở trước mắt; Giới-Xứ, nói cũng như vậy. Pháp ấy không phải là Tướng về Vô thường sinh ra, bởi vì Tướng khác làm Đẳng vô gián duyên mà khởi lên; cũng không phải là cùng một duyên với Tướng về Vô thường, bởi vì Tướng khác-duyên khác.

Như Tướng về Vô thường, cho đến Tướng về Diệt cũng như vậy.

Hỏi: Trong này đã nói Tướng khác thì có thể như vậy, Tướng về Bất tịnh-Tướng về Chán ăn thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai sinh khởi thì duyên với vị lai, làm sao có thể làm thành câu thứ ba?

Đáp: Dựa vào tướng tự mà nói cũng không có lỗi gì, đó là Tướng về Bất tịnh trước duyên với bộ xương mà diệt đi, Tướng về Bất tịnh sau lại duyên với bộ xương mà sinh ra, bởi vì cảnh tướng tướng tự cho nên cũng gọi là một, Tướng về Chán ăn cũng như vậy.

Các pháp do tâm khởi lên không phải là không do tâm..., cho đến nói rộng ra.

Trong chương Nghiệp Uẩn trước đây biểu hiện rõ ràng về phần vị sai biệt của quả yêu thích-không phải là yêu thích do tâm mà khởi lên, trong phần này biểu hiện rõ ràng về phần vị sai biệt của hai nghiệp thân-ngữ do tâm mà khởi lên. Tâm có hai loại, đó là Chuyển và Tùy chuyển. Chuyển đó là có thể dẫn dắt khởi lên hai nghiệp thân-ngữ ở trước nó, Tùy chuyển đó là giúp đỡ hai nghiệp thân-ngữ cùng lúc sinh khởi với nó. Trong này nói đến Chuyển chứ không nói đến Tùy chuyển.

Hỏi: Đã nói các pháp thì đó là pháp gì?

Đáp: Hoặc có người nói: Là luật nghi Biệt giải thoát. Như đưa ra cách nói này: Các pháp là luật nghi Biệt giải thoát, thì đó là nói về các

pháp do tâm khởi lên. Nghĩa là luật nghi Biệt giải thoát do lực của tâm mà dẫn dắt khởi lên; không phải là không do tâm, là không có người nào lia bỏ lực của tâm mà đạt được luật nghi ấy.

Hỏi: Nếu lúc tâm khởi lên thì lúc bấy giờ là pháp ấy chẳng?

Đáp: Tâm khởi lên trước, pháp ấy khởi lên sau. Nghĩa là trước tiên khởi tâm như vậy: Mình sẽ thọ luật nghi Biệt giải thoát. Sau đó liền chính thức khởi lên nghiệp Biểu của luật nghi.

Hỏi: Nếu lúc tâm diệt mất thì lúc bấy giờ là pháp ấy chẳng?

Đáp: Tâm diệt mất trước, pháp ấy diệt mất sau. Nghĩa là tâm ấy sinh ra trước rồi diệt mất, nghiệp Biểu của luật nghi sinh ra sau rồi lại diệt mất. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì các hành Vô thường đã nuốt mất, sinh ra rồi không có khả năng tạm thời dừng lại, sát-na không gián đoạn thì nhất định phải diệt mất.

Hỏi: Nếu lúc tâm đạt được thì lúc bấy giờ là pháp ấy chẳng?

Đáp: Tâm đạt được trước, pháp ấy đạt được sau. Nghĩa là tâm thiện ấy do hai duyên cho nên đạt được, một là tâm thiện nối tiếp nhau, hai là trở lại cõi-địa; luật nghi ấy do biểu hiện cho nên đạt được.

Hỏi: Nếu lúc tâm rời bỏ thì lúc bấy giờ là pháp ấy chẳng?

Đáp: Pháp ấy rời bỏ trước, sau mới đến tâm. Nghĩa là luật nghi ấy do bốn duyên cho nên rời bỏ:

1. Rời bỏ Học xứ.
2. Hai hình thể sinh khởi.
3. Đoạn mất căn thiện.
4. Rời bỏ Chúng đồng phần.

Có người nói: Lúc phạm vào tội căn bản thì cũng rời bỏ.

Tâm ấy do hai duyên mà rời bỏ:

1. Đoạn mất căn thiện.
2. Vượt qua cõi-địa.

Hỏi: Nếu ở cõi Dục mạng chung sinh trở lại cõi Dục, thì có thể rời bỏ pháp ấy trước, sau mới đến tâm; nếu ở cõi Dục mạng chung sinh đến cõi Sắc-Vô sắc và nhập Niết-bàn, thì pháp ấy và tâm cùng lúc mà rời bỏ, làm sao có thể nói là pháp ấy rời bỏ trước, sau mới đến tâm?

Đáp: Trong này chỉ nói ở cõi Dục mạng chung sinh trở lại cõi Dục, lúc ấy mạng chung thì rời bỏ Chúng đồng phần cho nên luật nghi Biệt giải thoát cũng rời bỏ, tuy rời bỏ Chúng đồng phần mà không rời bỏ tâm.

Có người nói: Ở cõi Dục mạng chung sinh đến cõi Sắc-Vô sắc và nhập Niết-bàn, cũng là trong này đã nói, bởi vì lúc ấy sắp chết thì thân

lực yếu kém, hoặc là đoạn dứt Mạt-ma tiếp xúc với sự khổ sở, cho nên liền mất đi luật nghi thân-ngũ đã thọ, sau lúc mạng chung thì tâm ấy mới rời bỏ.

Hỏi: Nếu như vậy thì làm sao có thể là Tỳ kheo ấy mạng chung?

Đáp: Vẫn là tên gọi ban đầu cho nên không có lỗi, như vua mất đi ngôi vị mà vẫn gọi là vua.

Hỏi: Y bát... của người ấy, những người xuất gia làm sao có thể phân chia?

Đáp: Người ấy ở lúc trước đây cũng đã từng phân chia vật dụng tài sản như vậy của người khác, lúc này mạng chung thì người khác trở lại phân chia vật dụng tài sản của họ. Lại bởi vì trước đây do thừa trình chuyển giao đã được cho phép. Từng nghe xưa kia có người Tiên mạng chung, người cùng chung Phạm hạnh thu xếp vật dụng tài sản của vị ấy đem giao nộp cho nhà vua mà nói lời như vậy: Đây là vật dụng tài sản vốn có của vị Tiên ấy, vị ấy không có người thừa kế, nay mang đến giao cho nhà vua, mong nhà vua thu nhận cho! Nhà vua khiến mang về mà nói rằng: Vật dụng của những người xuất gia đã tiếp nhận sử dụng, người bình thường như chúng tôi không nên tiếp nhận sử dụng, từ nay về sau những người xuất gia nếu đã mạng chung, thì vật dụng tài sản vốn có của họ, người cùng chung Phạm hạnh nên cùng nhau phân chia. Do sự cho phép này, cho nên không có lỗi.

Lời bình: Như trước đã nói là hợp lý. Nguyên cố thế nào? Bởi vì tiếp xúc với khổ sở không phải là duyên rời bỏ giới, ban đầu đã kỳ hạn cho đến mạng chung chứ không phải là mạng chưa kết thúc, ngoại trừ đoạn mất căn thiện... mà khiến cho rời bỏ giới. Vì thế cho nên sát-na mạng chung cuối cùng thì tâm và luật nghi cùng lúc mất đi.

Hỏi: Nếu lúc tâm nhận lấy dị thực thì lúc bấy giờ là pháp ấy chẳng?

Đáp: Hoặc là lúc bấy giờ, hoặc là lúc khác. Lúc bấy giờ, đó là một sát-na, hoặc là một sự nối tiếp nhau, hoặc là một phần vị, hoặc là một Chúng đồng phần. Lúc khác, đó là sát-na khác, hoặc là sự nối tiếp nhau khác, hoặc là phần vị khác, hoặc là Chúng đồng phần khác, bởi vì thời gian hiện tại có bốn loại.

Lại có người nói: Các pháp đó là không luật nghi. Như đưa ra cách nói này: Các pháp là không luật nghi, thì đó là nói về các pháp do tâm khởi lên. Nghĩa là không luật nghi do lực của tâm mà dẫn dắt khởi lên; không phải là không do tâm, là không có người nào lìa bỏ lực của tâm mà có được không luật nghi.

Hỏi: Nếu lúc tâm khởi lên thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm khởi lên trước, pháp ấy khởi lên sau. Nghĩa là trước tiên khởi tâm như vậy: Mình sẽ nhận làm sự nghiệp như vậy. Sau đó liền chính thức khởi lên nghiệp Biểu của không luật nghi.

Hỏi: Nếu lúc tâm diệt mất thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm diệt mất trước, pháp ấy diệt mất sau. Nghĩa là tâm ấy sinh ra trước rồi diệt mất, không luật nghi sinh ra sau rồi lại diệt mất. Như trước đã giải thích.

Hỏi: Nếu lúc tâm đạt được thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm đạt được trước, pháp ấy đạt được sau. Nghĩa là tâm bất thiện ấy do hai duyên cho nên đạt được, một là từ lìa dục mà lui sụt, hai là trở lại cõi-địa; không luật nghi ấy do biểu hiện cho nên đạt được.

Hỏi: Nếu lúc tâm rời bỏ thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Pháp ấy rời bỏ trước, sau mới đến tâm. Nghĩa là không luật nghi ấy do bốn duyên cho nên rời bỏ:

1. Thọ nhận luật nghi.
2. Đạt được Tĩnh lự.
3. Hai hình thể sinh khởi.
4. Rời bỏ Chúng đồng phần.

Tâm bất thiện ấy do một duyên mà rời bỏ, đó là lúc lìa nhiệm cõi Dục.

Hỏi: Nếu lúc tâm nhận lấy dị thực thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Hoặc là lúc bấy giờ, hoặc là lúc khác. Giải thích như trước.

Lại có người nói: Các pháp đó là phi luật nghi phi bất luật nghi, tất cả hành diệu-hành ác của thân-ngữ. Như đưa ra cách nói này: Các pháp là phi luật nghi phi bất luật nghi, tất cả hành diệu-hành ác của thân-ngữ, thì đó là nói về các pháp do tâm khởi lên. Nghĩa là hành diệu-hành ác của thân-ngữ ấy do lực của tâm mà dẫn dắt khởi lên; không phải là không do tâm, là không có người nào lìa bỏ lực của tâm mà có được hành diệu-hành ác của thân-ngữ ấy.

Hỏi: Nếu lúc tâm khởi lên thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm khởi lên trước, pháp ấy khởi lên sau. Nghĩa là trước tiên khởi tâm như vậy: Mình sẽ làm sự nghiệp như vậy-như vậy. Sau đó liền chính thức khởi lên nghiệp Biểu của thân-ngữ ấy.

Hỏi: Nếu lúc tâm diệt mất thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm diệt mất trước, pháp ấy diệt mất sau. Như trước đã giải thích.

Hỏi: Nếu lúc tâm đạt được thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Tâm đạt được trước, pháp ấy đạt được sau. Nghĩa là tâm thiện ấy do hai duyên cho nên đạt được, một là căn thiện nối tiếp nhau, hai là trở lại cội-địa; tâm bất thiện ấy cũng do hai duyên cho nên đạt được, từ lừa dục mà lui sụt, hai là trở lại cội-địa; hành diệu-hành ác của thân-ngữ ấy do biểu hiện cho nên đạt được.

Hỏi: Nếu lúc tâm rời bỏ thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Pháp ấy rời bỏ trước, sau mới đến tâm. Nghĩa là hành diệu-hành ác của thân-ngữ ấy do ba duyên cho nên rời bỏ:

1. Ý thích dừng lại.
2. Rời bỏ gia hạnh.
3. Thế lực không còn.

Tâm bất thiện do một duyên cho nên rời bỏ, đều nói như trước.

Hỏi: Nếu lúc tâm nhận lấy dị thực thì lúc bấy giờ là pháp ấy chăng?

Đáp: Hoặc là lúc bấy giờ, hoặc là lúc khác. Giải thích như trước.

Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp..., cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người nói: Đã thông đạt-đã biết khắp, không phải là pháp có thật.

Hoặc lại có người nói: Hữu vi vô lậu cũng là đã đoạn.

Hoặc lại có người nói: Gia hạnh đã khởi lên vô phú vô ký cũng là đã tu.

Hoặc lại có người nói: Chỉ có Niết-bàn là đã tác chứng.

Bởi vì muốn ngăn chặn những ý chấp như vậy, để trình bày về đã thông đạt-đã biết khắp là pháp có thật, đã đoạn chỉ là hữu lậu, đã tu chỉ là thiện hữu vi, đã chứng bao gồm tất cả các thiện, và dựa vào Định mà khởi lên vô phú vô ký, cho nên soạn ra phần luận này.

Đã thông đạt, đó là tất cả các pháp đều là do Tuệ thiện mà thông đạt. Đã biết khắp, đó là tất cả các pháp do Trí biết khắp mà biết khắp. Như nói: “Đã thông đạt là thế nào? Đó là tất cả các pháp. Đã biết khắp là thế nào? Đó là tất cả các pháp.”

Đã đoạn, đó là tất cả pháp hữu lậu, là do đạo đối trị mà cần phải đoạn. Như nói: “Pháp đã đoạn là thế nào? Đó là tất cả pháp hữu lậu.”

Đã tu, đó là tất cả pháp thiện hữu vi, là tu đạt được-tu luyện tập, tùy theo một loại hoặc là cả hai loại. Như nói: “Pháp đã tu là thế nào?”

Đó là tất cả pháp thiện hữu vi.”

Đã tác chứng, đó là tất cả thiện và dựa vào Định đã khởi lên vô phú vô ký, là pháp đáng vui mừng tôn trọng cầu mong đạt được. Như nói: “Pháp đã tác chứng là thế nào? Đó là tất cả pháp thiện và dựa vào Tam-ma-bát-đề đã khởi lên Thiên nhân-Thiên nhĩ vô phú vô ký.”

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, không phải là đã đoạn, không phải là đã tu, không phải là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là Hư không-Phi trạch diệt, hai pháp như vậy là đã thông đạt, bởi vì là do Tuệ thiện mà thông đạt; cũng là đã biết khắp, bởi vì là do Trí biết khắp mà biết khắp; không phải là đã đoạn, bởi vì vô lậu; không phải là đã tu, bởi vì vô vi; không phải là đã tác chứng, bởi vì không phải là pháp đáng vui mừng tôn trọng cầu mong đạt được.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, không phải là đã đoạn, không phải là đã tu, mà là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là Trạch diệt, đây là pháp đã tác chứng, bởi vì là pháp đáng vui mừng tôn trọng cầu mong đạt được. Còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, không phải là đã đoạn, mà là đã tu, là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là pháp hữu vi vô lậu, bởi vì đây là pháp thiện hữu vi đã tu. Còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, mà là đã đoạn, là đã tu, là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là hành thiện hữu lậu, bởi vì đây là pháp hữu lậu đã đoạn. Còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, là đã đoạn, không phải là đã tu, mà là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là do Định mà khởi lên Thiên nhân-Thiên nhĩ, bởi vì đây là pháp hữu lậu đã đoạn; không phải là đã tu, bởi vì vô ký; mà là đã tác chứng, bởi vì dựa vào Định mà khởi lên mong cầu đạt được pháp ấy. Còn lại giải thích như trước.

Hỏi: Có thể có pháp là đã thông đạt-đã biết khắp, là đã đoạn, không phải là đã tu, mà là đã tác chứng chăng?

Đáp: Có, đó là trừ ra do Định mà khởi lên Thiên nhân-Thiên nhĩ, còn lại hành vô ký và pháp bất thiện, nghĩa giải thích như trước.

Hỏi: Các Sư nước ngoài nói: Pháp vô phú vô ký đã tác chứng có tám loại, đó là dựa vào Định mà khởi lên Thiên nhân-Thiên nhĩ, và hai Thức vô phú vô ký ấy, Pháp-Từ vô ngại giải, Nguyễn trí-tâm biến hóa.

Vì sao trong này chỉ nói đến Thiên nhãn-Thiên nhĩ, chứ không phải là pháp nào khác?

Đáp: Văn cú đã tụng của các Sư nước ngoài đưa ra cách nói như vậy: “Pháp đã tác chứng là thế nào? Đó là tất cả pháp thiện và dựa vào Tam-ma-bát-đề đã khởi lên pháp vô phú vô ký.”

Các Sư ở nước Ca-thấp-di-la cũng đưa ra cách nói này mà không nói đến, là có ý khác, đó là dựa vào Định mà khởi lên Thiên nhãn thức-Thiên nhĩ thức, thâm nhiếp ở trong Thiên nhãn-Thiên nhĩ đã nói, nếu nói đến sở y thì nên biết là đã nói đến năng y; Pháp-Từ vô ngại giải và Nguyện trí đều chỉ là thiện, cũng là đã tu, không phải là do pháp này thâm nhiếp, cho nên không cần phải vặn hỏi; tâm biến hóa tựa như xoay chuyển khéo léo, không phải là pháp vui mừng tôn trọng quá mức, cho nên trong này không nói đến. Vì thế cho nên không tùy theo văn ấy đã nói.

Lại nữa, nếu dựa vào gia hạnh đích thực mà mong cầu đạt được, thì bởi vì là tăng thượng, cho nên trong này nói đến; Thiên nhãn thức-Thiên nhĩ thức không có gia hạnh riêng biệt, chỉ nhờ vào sự mong cầu đạt được Thiên nhãn-Thiên nhĩ, các tâm biến hóa nhờ vào phát khởi gia hạnh cầu mong đạt được là nhiệm, đều không phải là tăng thượng, cho nên ở đây không nói đến.

Lại nữa, Thiên nhãn-Thiên nhĩ thực hiện nhiều gia hạnh, thành tựu trong thời gian ngắn thì điều này là ít có, cho nên ở đây nói đến; Thức ấy và tâm biến hóa nhờ vào lìa nhiễm cõi Dục, hoặc là lúc trở lại cõi-địa, không dụng công mà đạt được, đạt được rồi luôn luôn thành tựu trong ba đời, không phải là điều ít có, cho nên ở đây không nói đến.

Lại nữa, bởi vì Thiên nhãn-Thiên nhĩ là quả của tu, là quả của chi Định thâm nhiếp tiếp nhận, sau khi lìa nhiễm cõi Dục có thể hiện rõ trước mắt, ở tất cả mọi lúc Thức không trống rỗng, khởi lên chắc chắn không có Bỉ đồng phần, chỉ thành tựu thì nhất định có tác dụng, là nơi nương tựa chung của Nhãn-Nhĩ, là căn bản thù thắng chán ngán sinh tử, cho nên trong này nói đến; pháp khác thì không như vậy, vì thế cho nên không nói đến.

Trong này, đã nói đến Phi trạch diệt, đó là Diệt không phải là do lìa ràng buộc, không phải là do chọn lựa pháp mà đạt được, lúc các Bồ-đặc-già-la đạt được thì không lìa ràng buộc. Đã nói đến Trạch diệt, đó là Diệt chính là do lìa ràng buộc, chính là do chọn lựa pháp mà đạt được, lúc các Bồ-đặc-già-la đạt được thì liền lìa ràng buộc. Hai pháp Diệt này nói rộng ra như phẩm luận về Ái Kính trong chương Tạp Uẩn.

Có thể có pháp không có duyên của Nhân duyên, không có duyên của Pháp duyên, không có duyên của pháp câu sinh..., cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Bởi vì muốn ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày về nghĩa lý của mình. Đó là hoặc có người nói: Các tướng hữu vi không có Thể tánh thật sự. Như phái Thí Dụ đã nói. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì họ nói các tướng hữu vi là bất tương ứng hành, do Hành uẩn thâm nhiếp, các bất tương ứng hành đều không có Thể thật sự.

Hoặc lại có người nói: Các tướng hữu vi là pháp vô vi. Như Luận giả Phân Biệt đã nói. Nguyên cơ thể nào? Vị ấy đưa ra cách nói này: Nếu tướng hữu vi là hữu vi, thì lực của nó yếu kém làm sao có thể sinh khởi pháp khác, ngay cả làm cho hủy diệt? Bởi vì là vô vi cho nên mới có thể sinh khởi pháp khác, cho đến hủy diệt.

Hoặc lại có người nói: Trong tướng hữu vi thì sinh-lão-trú là hữu vi, diệt là vô vi. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì họ nói các pháp làm cho sinh-lão-trú thì dễ, làm cho diệt thì khó. Nếu tướng Vô thường là hữu vi, thì tánh ấy yếu kém làm sao có thể hủy diệt pháp khác? Bởi vì là vô vi cho nên tánh ấy mạnh mẽ, mới có thể hủy diệt các pháp.

Hoặc lại có người nói: Sắc pháp sinh-lão-trú-vô thường thì Thể tức là Sắc.

Hoặc lại có người nói: Các tướng hữu vi là pháp tương ứng.

Bởi vì ngăn chặn các loại chấp trước lạ lùng như vậy, hiển bày về tướng hữu vi là tánh có thật, không phải là pháp vô vi, không phải tức là Sắc, đều là bất tương ứng, cho nên soạn ra phần luận này.

Hỏi: Có thể có pháp không có duyên của Nhân duyên, không có duyên của Pháp duyên, không có duyên của pháp câu sinh; là có, là tánh có; không phải là không có, không phải là tánh không có; khác với Sắc, khác với Thọ-Tưởng-Thức, khác với tương ứng hành chẳng?

Đáp: Có, đó là năm Thức thân-pháp tương ứng của năm Thức thân và duyên với Sắc-vô vi-tâm-bất tương ứng hành, Ý thức thân-pháp tương ứng của Ý thức thân vốn có sinh-lão-trú-vô thường; đây là pháp không có duyên, bởi vì là bất tương ứng hành cho nên không có sở duyên; đây là Nhân duyên, không có duyên của Pháp duyên, không có duyên của pháp câu sinh, bởi vì dùng sáu Thức thân đã nói trước đây và pháp tương ứng để làm Nhân, tức là cùng với pháp ấy câu sinh. Vì vậy đã ngăn chặn ý chấp về tướng hữu vi là vô vi. Không phải là pháp vô vi, bởi vì từ nhân mà sinh ra; đây là có, bởi vì không phải là pháp

không có; là tánh có, bởi vì không phải là pháp vay mượn; không phải là không có, không phải là tánh không có. Đây là quyết định về nghĩa đã nói ở trước.

Lại nữa, hai câu trước thành lập về luận thuyết của mình, hai câu sau ngăn chặn và phá bỏ luận thuyết của người khác.

Thành lập về luận thuyết của mình, như người nói pháp thiện thì thành lập tông chỉ về nói pháp thiện, người nói pháp ác thì thành lập tông chỉ về nói pháp ác; Luận giả Ứng Lý thì thành lập tông chỉ về luận Ứng Lý, Luận giả Phân Biệt thì thành lập tông chỉ về luận Phân Biệt.

Ngăn chặn và phá bỏ luận thuyết của người khác, như người nói pháp thiện thì ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ về nói pháp ác, người nói pháp ác thì ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ về nói pháp thiện; Luận giả Ứng Lý thì ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ về luận Phân Biệt, Luận giả Phân Biệt thì ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ về luận Ứng Lý.

Nay ở đây cũng như vậy, hai câu trước thành lập về tông chỉ của mình, hai câu sau ngăn chặn và phá bỏ tông chỉ của người khác. Nếu không thành lập về tông chỉ của mình mà phá bỏ tông chỉ của người khác, thì trở thành luận bàn trống rỗng, bởi vì không có chỗ dựa. Nếu chỉ thành lập tông chỉ của mình mà không phá bỏ tông chỉ của người khác, thì đối với tông chỉ của mình không phải là khéo thành lập. Vì thế cho nên trước phải thành lập tông chỉ của mình, sau mới phá bỏ luận thuyết của người khác.

Nghĩa nói rằng pháp này là sinh-lão-trú-vô thường, có lý lẽ như vậy, pháp vốn như vậy, là có-là tánh có, không phải là không có-không phải là tánh không có. Vì vậy đã ngăn chặn ý chấp về tướng hữu vi không phải là có thật.

Pháp này khác với Sắc, bởi vì không phải là pháp thuộc Sắc; khác với Thọ-Tưởng-Thức, bởi vì không phải là pháp thuộc Thọ-Tưởng-Thức. Vì vậy đã ngăn chặn ý chấp về tướng của Sắc... tức là Sắc...

Pháp này khác với tướng ứng hành, bởi vì là pháp bất tương ứng. Vì vậy đã ngăn chặn ý chấp về tướng hữu vi là pháp tương ứng.

Hỏi: Pháp này đối với pháp kia, nên nói là Nhân hay nên nói là Duyên?

Đáp: Nên nói là Nhân, nên nói là Duyên.

Hỏi: Trong này, loại nào gọi là pháp này, loại nào gọi là pháp kia?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Sinh-lão-trú-vô thường là pháp này, loại này đi cùng với sáu Thức thân và pháp tương ứng là pháp

kia.

Nếu đưa ra cách nói này thì đó là nói: Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên cùng lúc, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên sau, thì cũng nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là ba nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành-Dị thực. Duyên là ba duyên, đó là trừ ra Đẳng vô gián. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên trước, thì nên nói là Duyên chứ không nên nói là Nhân. Duyên là hai duyên, đó là trừ ra Sở duyên và Tăng thượng. Nếu pháp này đứng đầu đối với pháp kia, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Biến hành-Dị thực. Duyên là ba duyên, đó là trừ ra Đẳng vô gián.

Lại có người nói: Trước đã nói sáu Thức thân và pháp tương ứng là pháp này, loại này đi cùng với sinh-lão-trú-vô thường là pháp kia.

Nếu đưa ra cách nói này thì đó là nói: Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên cùng lúc, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên sau, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là ba nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành-Dị thực. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên trước, thì nên nói là Duyên chứ không nên nói là Nhân. Duyên là một duyên, đó là Tăng thượng. Nếu pháp này đứng đầu đối với pháp kia, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Biến hành-Dị thực. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng.

Lại có người nói: Ngay trước đã nói sinh-lão-trú-vô thường là pháp này, đồng loại của sinh-lão-trú-vô thường này là pháp kia.

Nếu đưa ra cách nói này thì đó là nói: Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên cùng lúc, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên sau, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là ba nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành-Dị thực. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên trước, thì nên nói là Duyên chứ không nên nói là Nhân. Duyên là một duyên, đó là Tăng thượng. Nếu pháp này đứng đầu đối với pháp kia, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Biến hành-Dị thực. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng.

Lại có người nói: Ngay trước đã nói sinh-lão-trú-vô thường là pháp này, sinh này đồng loại với sinh cho đến vô thường này đồng loại với vô thường là pháp kia.

Nếu đưa ra cách nói này thì đó là nói: Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên cùng lúc, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là một nhân, đó là nhân Câu hữu. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên sau, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là ba nhân, đó là nhân Đồng loại-Biến hành-Dị thực. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng. Nếu pháp này đối với pháp kia khởi lên trước, thì nên nói là Duyên chứ không nên nói là Nhân. Duyên là một duyên, đó là Tăng thượng. Nếu pháp này đứng đầu đối với pháp kia, thì nên nói là Nhân, nên nói là Duyên. Nhân là bốn nhân, đó là nhân Câu hữu-Đồng loại-Biến hành-Dị thực. Duyên là hai duyên, đó là Nhân và Tăng thượng.

Hỏi: Pháp này nên nói là thiện, là bất thiện hay là vô ký?

Đáp: Đối với pháp thiện thì nên nói là thiện, đối với pháp bất thiện thì nên nói là bất thiện, đối với pháp vô ký thì nên nói là vô ký, bởi vì tánh loại do sinh mà sinh cho đến do diệt mà diệt nhất định phải giống nhau.

Hỏi: Pháp này có mấy tùy miên tùy tăng, có mấy kiết hệ thuộc?

Đáp: Tùy miên duyên hữu lậu của ba cõi tùy tăng, chín kiết hệ thuộc.

Hỏi: Vì sao không nói tùy miên duyên vô lậu của pháp này tùy tăng?

Đáp: Do hai duyên cho nên tùy miên tùy tăng, một là vì sở duyên, hai là vì tương ưng. Tùy miên duyên vô lậu bởi vì không có sở duyên, tùy tăng là cảnh giải thoát, tuy có tương ưng cho nên tùy tăng mà đối với loại này không có gì không tương ưng với loại này.

Trong này, dựa vào chủng loại mà nói tổng quát, cho nên nói là tùy miên duyên hữu lậu của ba cõi tùy tăng, chín kiết hệ thuộc. Nếu nói riêng biệt thì cõi Dục đối với cõi Dục, cho đến cõi Vô sắc đối với cõi Vô sắc; tất cả tùy miên do kiến Khổ mà đoạn và biến hành do kiến Tập mà đoạn đối với kiến Khổ mà đoạn, tất cả tùy miên do kiến Tập mà đoạn và biến hành do kiến Khổ mà đoạn đối với kiến Tập mà đoạn, tùy miên duyên hữu lậu và biến hành do kiến Diệt mà đoạn đối với kiến Diệt mà đoạn, tùy miên duyên hữu lậu và biến hành do kiến Đạo mà đoạn đối với kiến Đạo mà đoạn, tất cả tùy miên và biến hành do Tu mà đoạn đối với do Tu mà đoạn. Chín kiết của cõi Dục đối với cõi Dục, sáu kiết của

cõi Sắc đối với cõi Sắc, sáu kiết của cõi Vô sắc đối với cõi Vô sắc. Như vậy, tùy miên duyên hữu lậu của ba cõi và chín kiết, đối với pháp này đều do sở duyên cho nên tùy tăng và hệ thuộc chứ không phải là bởi vì tương ứng. Các tướng hữu vi nói rộng ra như phẩm luận về Sắc trong chương Tạp Uẩn.

